TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ ĐÔNG HÒA** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **12**/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 17/3/2023
V/v: "Tranh chấp ly hôn".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐÔNG HÒA, TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Hữu Duyên.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Lưu Vĩnh Hòa và ông Phạm Tố Hữu.

- Thư ký phiên tòa: bà Cao Thị Thu Hà – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Ngọc Bảo Thi – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 321/2022/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2022 về việc "Tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2023/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 02 năm 2023; giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Y, sinh năm 1969; Địa chỉ: thôn P1, xã HXĐ, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên (Vắng mặt – Có đơn xin vắng mặt)

2. Bị đơn: Ông Huỳnh D, sinh năm 1969; Địa chỉ: thôn P1, xã HXĐ, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 05/10/2022 và tài liệu có tại hồ sơ nguyên đơn Nguyễn Thị Y trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: bà (Nguyễn Thị Y) và ông Huỳnh D tự nguyện tìm hiểu, về sống chung với nhau từ năm 1984 nhưng không đăng ký kết hôn. Việc không đi đăng ký kết hôn là do bà Y và ông D nhận thức pháp luật thấp, cả hai lo làm ăn nên đến nay bà và ông D vẫn chưa đăng ký kết hôn. Sau khi về sống chung, bà và ông D phát sinh nhiều mâu thuẫn do không hợp nhau nhưng vẫn cố gắng hàn gắn tiếp chung sống chung vì các con còn nhỏ tuổi. Đến năm 2014 thì mâu thuẫn vợ

chồng ngày càng trầm trọng, ông D thường xuyên nhậu nhẹt về đánh vợ nhiều lần, chính quyền địa phương phải xuống nhà hòa giải, can thiệp. Bà Y và ông D đã sống ly thân được 08 năm, không ai còn quan tâm đến ai. Nay, tình cảm vợ chồng bà và ông D không còn không còn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Huỳnh D.

Về con chung: bà và ông D có 04 con chung là Huỳnh Thị Bích P, sinh năm 1987, Huỳnh Thị Phương T1, sinh năm 1991, Huỳnh Trọng D1, sinh năm 1992, Huỳnh Thị Thu T, sinh năm 1999. Các con đều đã trưởng thành nên không có yêu cầu gì.

Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông Huỳnh D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Thống nhất như lời trình bày của nguyên đơn về quan hệ hôn nhân, ông (Huỳnh D) và bà Nguyễn Thị Y sống chung từ năm 1984 nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, vợ chồng ông có xảy ra mâu thuẫn nhưng chưa đến mức quá trầm trọng nên ông D không đồng ý ly hôn thoe yêu cầu của bà Y, vì tuy vợ chồng có mâu thuẫn nhưng hiện nay còn có 02 con là Huỳnh Trọng D1 và Huỳnh Thị Thu T chưa lập gia đình, ông D muốn vợ chồng cùng lo cho các con yên bề gia thất (cưới vợ gả chồng). Sau đó, nếu vợ chồng ông không giải quyết được mâu thuẫn thì mới ly hôn.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: ông D thống nhất với trình bày của nguyên đơn không yêu cầu tòa giải quyết.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không hòa giải được.

Tại phiên tòa:

- Bị đơn giữ nguyên lời trình bày, không đồng ý ly hôn.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân thị xã Đông Hòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Y, về quan hệ hôn nhân cho bà Nguyễn Thị Y được ly hôn ông Huỳnh D; về con chung, tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu giải quyết nên không xét. Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; ý kiến Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Bà Nguyễn Thị Y khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Huỳnh D hiện đang cư trú tại thôn Phú Khuê 1, xã Hòa Xuân Đông, thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên. Căn cứ vào Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Đông Hòa.

[1.2] Nguyên đơn (bà Y) đã được triệu tập hợp lệ và bà Y có đơn xin xét xử vắng mặt, do đó, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Thị Y và ông Huỳnh D tự nguyện tìm hiểu nhau từ năm 1982, đến năm 1984 ông D bà Yên tổ chức mâm cơm ra mắt hai bên gia đình rồi về sống chung với nhau nhưng không đăng ký kết hôn. Xét thấy, bà Y và ông D sống chung với nhau như vợ chồng từ năm trước ngày 03/01/1987, có tổ chức lễ cưới và được gia đình cả hai bên chấp nhận, đã có với nhau 04 người con chung chứng tỏ họ thực sự chung sống với nhau; chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau xây dựng gia đình. Căn cứ theo Nghị quyết số: 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật HNGĐ 2000; và Thông tư số: 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001 thì quan hệ hôn nhân giữa bà Y và ông D là hôn nhân thực tế, được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Nguyên đơn bà Y và bị đơn ông D đều thừa nhận trong quá trình chung sống vợ chồng có nảy sinh nhiều mâu thuẫn, cãi vã, đánh nhau là phù hợp theo biên bản xác minh ngày 07/2/2023 tại địa phương *"tình trạng hôn nhân của vợ chồng ông D, bà Yên trong quá trình chung sống có nhiều lần cãi vã, đánh nhau gây ảnh hưởng đến hàng xóm nên địa phương, công an xã có xuống nhà can thiệp, hòa giải. Từ năm 2020 đến nay bà Y đi làm ở thành phố Hồ Chí Minh thì vợ chồng không thấy cãi vã, đánh nhau nữa"*. Việc bố mẹ cùng thực hiện nghĩa vụ dựng vợ gả chồng cho con khi con cái kết hôn là phong tục tập quán của người Việt Nam và việc ly hôn của vợ chồng không ảnh hưởng đến việc thực hiện nghĩa vụ trên. Xét thấy, mâu thuẫn của vợ chồng bà Y và ông D đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, ông D dùng bạo lực gia đình và bà Y đã sống ly thân ông D, không có khả năng đoàn tụ. Do đó, căn cứ của ông D nêu ra *"hiện nay hai con là Huỳnh Trọng D1 và Huỳnh Thị Thu T đều đã trưởng thành nhưng chưa lập gia đình nên không đồng ý ly hôn"* là không có cơ sở chấp nhận, Hội đồng xét xử chấp nhận ý kiến của Kiểm sát viên, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Nguyễn Thị Y được ly hôn ông Huỳnh D.

[2.2] Về con chung: ông D và bà Yên có 04 người con chung là Huỳnh Thị Bích P, sinh năm 1987, Huỳnh Thị Phương T1, sinh năm 1991, Huỳnh Trọng D1, sinh năm 1992, Huỳnh Thị Thu T, sinh năm 1999 đều đã trưởng thành, không thuộc trường hợp phải cấp dưỡng theo quy định tại Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: nguyên đơn và bị đơn không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: bà Nguyễn Thị Y phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 227, 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật HNGĐ 2000; Thông tư liên tịch số: 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001 của Toà án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư Pháp; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị Y vì có căn cứ.

1. Về quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Thị Y được ly hôn ông Huỳnh D.

2. Về con chung: các con chung đều đã trưởng thành nên không xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu nên không xem xét.

4. Về án phí: bà Nguyễn Thị Y phải chịu 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm về yêu cầu ly hôn, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0006487 ngày 05/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đông Hòa.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND thị xã Đông Hoà ;
- Chi cục THADS thị xã Đông Hòa;
- Các đương sự;
- UBND xã HXĐ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Hữu Duyên